TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**:** 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày**:** 10-5-2022
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thúy Kiều

Bà Đàm Thị Thanh Loan

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2022/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 19/4/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đặng D, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp V, xã VQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên hệ: khóm T, phường E, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Ông Đoàn C, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã VQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Tại đơn khởi kiện lập ngày 17/11/2021 nguyên đơn bà Đặng D trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Đoàn C tự nguyên chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 16/9/2009 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã VQ, huyện N (nay thị xã N), tỉnh Sóc Trăng.

Trong thời gian đầu ông bà chung sống với nhau rất vui vẻ và hạnh phúc, nhưng thời gian về sau vào khoảng tháng 10/2020 thì vợ chồng bà phát sinh nhiều bất đồng quan điểm trong lối sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vã

với nhau, nhưng không ai biết. Hiện nay bà và ông C đã sống ly thân với nhau từ khoảng tháng 10/2020 cho đến nay. Hiện tại gia đình ông bà không hạnh phúc

Về con chung: Vợ chồng bà có hai con chung tên Đoàn K, sinh ngày 25/9/2007 và Đoàn V, sinh ngày 24/12/2008, hiện hai cháu đang sống chung với bà.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Bà Đặng D yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm xem xét giải quyết:

Về hôn nhân: Bà D yêu cầu ly hôn với ông Đoàn C.

Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi cả hai đứa con chung Đoàn K, sinh ngày 25/9/2007 và Đoàn V, sinh ngày 24/12/2008 và bà không yêu cầu ông C cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2/ Theo đơn yêu cầu của ông Đoàn C lập ngày 17/11/2021 ông C trình bày như sau:

Ông có biết việc bà D nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm để yêu cầu ly hôn với ông. Và ông cũng thống nhất với nội dung trình bày của bà Đặng D trong đơn kiện về quan hệ hôn nhân, con chung, không tài sản chung và nợ chung. Ông bà đã thỏa thuận được với nhau về các nội dung sau:

Về hôn nhân thì ông cũng đồng ý ly hôn với bà Đặng D.

Về con chung: Ông đồng ý nhường quyền nuôi dưỡng hai con chung tên Đoàn K, sinh ngày 25/9/2007 và Đoàn V, sinh ngày 24/12/2008 và ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3/ *Theo biên bản về việc ghi ý kiến nguyện vọng con chung đối với cháu Đoàn K và Đoàn V, lập cùng ngày 24/02/2022, hai cháu trình bày như sau:*

Hai cháu hiện nay đang học tại trường trung học cơ sở phường U, thị xã N. Hiện tại hai cháu đang sống chung với mẹ và bà ngoại. Sau khi cha mẹ hai cháu ly hôn với nhau thì hai cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ, việc hai cháu sống với mẹ là tự nguyện, không ai ép buộc cháu.

4/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, đề

nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân đề nghị chấp nhận cho bà Đặng D ly hôn với ông Đoàn C. Về con chung đề nghị giao hai con chung tên K và V cho bà Đặng D nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung, tài sản chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn, các đương sự cũng không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Đặng D và ông Đoàn C đều vắng mặt nhưng đều đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Tại Tòa Kiểm sát viên yêu cầu tiến hành xét xử vắng mặt bà D và ông C. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng D và ông Đoàn C đã tự nguyện sống chung với nhau. Đến ngày 16/9/2009 bà Đặng D và ông Đoàn C là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VQ, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông C là hợp pháp. Trong cuộc sống chung giữa vợ chồng, bà D cho rằng đã phát sinh nhiều bất đồng quan điểm trong lối sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vã với nhau. Bà D nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa ông bà hiện tại không còn hạnh phúc, nên bà D và ông C đã sống ly thân với nhau từ tháng 10/2020 cho đến nay. Còn ông C cũng thống nhất với nội dung trình bày của bà D, đồng ý ly hôn với bà D. Bà D và ông C đều có yêu cầu Tòa án không mở phiên hòa giải và xét xử vắng mặt. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của bà D và ông C đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, thể hiện bà D và ông C đã ly thân với nhau từ tháng 10/2020 đến nay đồng thời đều có yêu cầu Tòa án không tổ chức hòa giải, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, tình trạng mâu thuẫn giữa hai người là trầm trọng không thể khắc phục, hôn nhân của ông bà không có hạnh phúc và không thể kéo dài được nữa. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông C.

[3] Con chung: Bà Đặng D và ông Đoàn C có hai con chung là cháu Đoàn K, sinh ngày 25/9/2007 và Đoàn V, sinh ngày 24/12/2008, hai cháu K và V đang sống chung với bà D. Bà D yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Kha và Vy. Cháu K hiện nay hơn 14 tuổi và cháu V hiện nay hơn 13 tuổi đồng thời hai cháu đều thể hiện nguyện vọng muốn tiếp tục được chung sống với mẹ (bà D) sau khi cha mẹ ly hôn với nhau. Mặt khác, ông C cũng thể hiện ý kiến thống nhất để bà D nuôi hai cháu K và V. Xét thấy, để đảm bảo cuộc sống của cháu K và cháu V được ổn định, không bị xáo trộn về mặt tâm lý cũng như điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng đồng thời hai cháu K, V đã hơn 13 tuổi nên cần ghi

nhận nguyện vọng của cháu theo đúng tinh thần quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con;* ***nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con***". Bà D và ông C thỏa thuận việc nuôi dưỡng con chung cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu. Cho nên, Hội đồng xét xử quyết định giao hai cháu K và V cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông C, không ai được quyền ngăn cản ông C thực hiện hợp pháp quyền này. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Đặng D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Đoàn C không phải chịu án phí.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng D.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng D được ly hôn với ông Đoàn C.

2/ Về con chung: Giao cháu Đoàn K, sinh ngày 25/9/2007 và Đoàn V, sinh ngày 24/12/2008 cho bà Đặng D chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 *(mười tám)* tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Đoàn C,

không ai được quyền ngăn cản hay cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: bà Đặng D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí sơ thẩm: Bà Đặng D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002570 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy, bà Đặng D đã thực hiện xong phần án phí. Ông Đoàn C không phải chịu án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã VQ, TXNN;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Thị Vàng